

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 348/2024/DS-ST

Ngày: 17 – 10 – 2024

“V/v tranh chấp giao dịch hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Mỹ Lil

2. Bà Nguyễn Kim Lên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà D Thị Thêu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2024, về việc “Tranh chấp giao dịch hui”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn B, sinh năm: 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R.R A, xã K.L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Bà Đặng Thị D (Đặng Thùy D), (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Văn Ng (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/7/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày quan điểm và yêu cầu như sau:

Ngày 09/01/2022 âm lịch, vợ chồng bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng có mở một dây hui mệnh giá 1.000.000đ, gồm 26 chung, mỗi tháng khai một kỳ, trong đó ông tham gia chơi 01 chung, đóng được 23 kỳ thì bỏ thăm hết hui, nhưng bà D và ông Ng không có nhà. Sau đó 02 ngày thì bà D và ông Ng tuyên bố đình hui. Ông có đến gặp bà D và ông Ng trao đổi thì được bà D và ông Ng thống nhất

trả cho ông số tiền 23.000.000đ nhưng xin trả mỗi tháng từ 5 đến 7 triệu, ông vẫn thống nhất. Tuy nhiên, từ thời điểm cam kết đến nay, bà D và ông Ng chỉ trả cho ông được 1.000.000đ thì ngưng luôn.

Từ nội dung trên, ông yêu cầu bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng phải có nghĩa vụ trả cho ông tổng số tiền hui là 22.000.000đ.

* Bị đơn: Bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên toà xét xử vụ án nhiều lần thông qua thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng vẫn không đến tham gia phiên tòa đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông Ng theo quy định. Về loại việc các bên tranh chấp là giao dịch hui nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là giao dịch hui. Việc thỏa thuận giao dịch này được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có lập danh sách hui, được tất cả các thành viên trong dây hui thống nhất tham gia, có quy định chơi hui, định mức giao nộp, thời gian mở hui, hốt hui, chung hui và gom hui. Quá trình tham gia chơi hui, ông B đã đóng hui đầy đủ, đến ngày ông B bỏ thăm hốt hui thì phía bà D và ông Ng tuyên bố đình hui, không thực hiện nghĩa vụ của chủ hui, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có cơ sở để chấp nhận thanh lý hợp đồng.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao dịch hui giữa bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng với ông Lê Văn B trên thực tế là có diễn ra, được xác lập trên tinh thần thỏa thuận tự nguyện, có danh sách hui, cam kết giữa chủ hui và hui viên, điều này đã được các hui viên trong dây hui xác nhận. Quá trình tham gia hui, các thành viên trong dây hui đã góp hui cho bà D và ông Ng đầy đủ nhưng ông Ng và bà D thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của chủ hui đối với hui viên là không tổ chức việc mở hui cho hui viên bỏ thăm hốt trong khi nếu trừ chung hui ông B được hốt thì chỉ còn lại 02 chung nữa là mãn hui. Đối với bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hoà giải và xét xử nhiều lần nhưng ông Ng và bà D vẫn không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên ông Ng và bà D phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ. Do đó, việc ông B yêu cầu ông Ng và bà D có nghĩa vụ trả lại ông tổng số tiền hui 22.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Mặc dù việc giao dịch hui của bà D với các hui viên, ông Ng không trực tiếp tham gia. Tuy nhiên, thời điểm bà D mở các dây hui và tham gia giao dịch hui với các hui viên thì giữa ông Ng và bà D vẫn còn mối quan hệ vợ chồng, hôn nhân đang tồn tại, đang sống chung, cùng làm ăn và sinh hoạt chung trong gia đình; việc giao dịch hui của bà D cũng nhằm mục đích làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, phục vụ cho trang trải, sinh hoạt cuộc sống của gia đình. Do vậy, buộc bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông Lê Văn B là hoàn toàn có căn cứ. Như đã nhận định trên, việc ông Ng và bà D không có ý kiến phản hồi và không tham gia phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông, bà phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[5] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông B nên buộc bà D và ông Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Ông B được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đồng thời ông thuộc đối tượng được xét miễn nộp tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- **Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;**
- **Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;**
- **Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;**
- **Căn cứ Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biên, phường;**
- **Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn B – buộc bà Đặng Thị D (Đặng Thùy D) và ông Nguyễn Văn Ng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B tổng số tiền 22.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng phải chịu 1.100.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông Lê Văn B không phải chịu án phí, ông thuộc trường hợp được xét miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không đặt ra việc hoàn lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Lê Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải